

GIẢI THÍCH BIỂU MẪU SỐ 02/TK-THADS

Kết quả thi hành án dân sự tính bằng tiền

1. Nội dung

Phản ánh kết quả tổ chức thi hành án về tiền của Chấp hành viên, Chi cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự và Hệ thống thi hành án dân sự. Tiền bao gồm tiền Việt Nam đồng, giá trị tài sản, kim loại quý, đá quý, quyền tài sản, ngoại tệ, giấy tờ, chứng chỉ có giá trị được hạch toán quy đổi ra tiền Việt Nam đồng (VNĐ) theo quy định của pháp luật tại thời điểm phát sinh số liệu.

2. Giải thích từ ngữ

- Tổng số tiền giải quyết là số tiền cơ quan thi hành án dân sự phải thi hành trong kỳ báo cáo, bao gồm số năm trước chuyển sang (trừ số đã chuyển sổ theo dõi riêng) và số tiền thụ lý mới trong kỳ báo cáo.

- Tiền năm trước chuyển sang (trừ số đã chuyển sổ theo dõi riêng) là số tiền đang tổ chức thi hành, tính theo phương pháp lũy kế đến thời điểm khóa sổ báo cáo thống kê của năm trước chuyển sang năm báo cáo, trừ số đã chuyển sổ theo dõi riêng.

- Tiền thụ lý mới là số tiền đã ra quyết định thi hành án, vào sổ thụ lý trong kỳ báo cáo.

- Tiền ủy thác thi hành án là số tiền đã ra quyết định ủy thác theo quy định tại Điều 55 Luật Thi hành án dân sự (trừ số ủy thác thắng khi chưa ra quyết định thi hành án, ủy thác xử lý tài sản).

- Tiền thu hồi, sửa, hủy quyết định thi hành án là số tiền đã ra quyết định thu hồi, sửa, hủy toàn bộ quyết định thi hành án mà không ra quyết định thi hành án mới (trừ trường hợp thu hồi để ra quyết định ủy thác thi hành án).

- Tổng số tiền phải thi hành là số tiền thực tế phải tổ chức thi hành sau khi trừ số tiền ủy thác thi hành án, số tiền thu hồi, hủy quyết định thi hành án.

- Tổng số tiền có điều kiện thi hành là số tiền mà người phải thi hành án có tài sản, thu nhập để thi hành nghĩa vụ về tiền, tài sản, bao gồm: số tiền thi hành xong; tiền đã được đình chỉ thi hành án; tiền đã có quyết định của tòa án xét giảm nghĩa vụ thi hành án; tiền đang thi hành; tiền hoãn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 48 Luật Thi hành án dân sự.

- Tổng số tiền thi hành xong là số tiền đã thi hành xong và số tiền đã có quyết định đình chỉ thi hành án, quyết định giảm nghĩa vụ thi hành án của tòa án.

- Tiền thi hành xong là số tiền đã thu được, đã nộp ngân sách của Nhà nước, đã chi trả cho người được thi hành án theo nội dung quyết định thi hành án và những khoản tiền, tài sản thu được, đã thông báo hợp lệ nhưng người được thi hành án chưa đến nhận, đã lập phiếu chi và gửi cho họ qua đường bưu điện hoặc chưa xác định được địa chỉ của người nhận và đã gửi tiền vào ngân hàng, lập sổ theo dõi

riêng hoặc đã giao cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

- Tiền đình chỉ là số tiền cơ quan thi hành án dân sự đã ra quyết định đình chỉ thi hành án theo quy định tại Điều 50 Luật Thi hành án dân sự.

- Tiền giảm nghĩa vụ thi hành án là số tiền toà án cùng cấp đã ra quyết định giảm một phần nghĩa vụ thi hành án.

- Tiền đang thi hành là số tiền đang trong quá trình tiến hành các thủ tục thi hành án theo quy định của pháp luật để tổ chức thu, chi, nộp ngân sách của Nhà nước theo nội dung quyết định thi hành án tại thời điểm khóa sổ báo cáo thống kê.

- Tiền chưa có điều kiện thi hành (trừ số tiền đã chuyển sổ theo dõi riêng) là số tiền được xác định theo quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án theo quy định tại Điều 44a Luật Thi hành án dân sự và các khoản tiền khác bao gồm:

Số tiền trong các vụ việc có tài sản, nhưng tài sản đã được đảm bảo cho việc thi hành một nghĩa vụ cụ thể khác theo bản án, quyết định của Tòa án hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền mà giá trị tài sản tại thời điểm thi hành án chỉ bằng nghĩa vụ bảo đảm cộng chi phí cưỡng chế (nếu có);

Số tiền trong các vụ việc có tài sản nhưng tài sản đang bị cơ quan, người có thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc biện pháp đặc biệt khác theo quy định của pháp luật để đảm bảo xét xử và chi trả cho nghĩa vụ khác mà không còn tài sản nào khác, không có thu nhập để tiếp tục thi hành án.

Số tiền còn phải thi hành mà đương sự không có tài sản, thu nhập để tiếp tục thi hành án; số tiền trong các vụ việc có áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên, bán đấu giá tài sản, sau khi đối trừ giá trị tài sản tại thời điểm báo cáo mà đã giảm giá lần thứ hai không có người tham gia đấu giá, trả giá hoặc bán đấu giá không thành.

- Tiền hoãn thi hành án là số tiền cơ quan thi hành án dân sự đã ra quyết định hoãn theo quy định tại Điều 48 Luật Thi hành án dân sự (trừ số tiền hoãn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 48 Luật Thi hành án dân sự).

- Tiền tạm đình chỉ thi hành án là số tiền đã được ra quyết định tạm đình chỉ thi hành án theo quy định tại Điều 49 Luật Thi hành án dân sự.

- Tiền trường hợp khác là số tiền tạm dừng thi hành án để giải quyết khiếu nại, tố cáo; tiền đang trong thời hạn tự nguyện thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự; tiền do có trở ngại khách quan mà Chấp hành viên không thể tổ chức thi hành án (bão, lũ, dịch, bệnh).

- Tiền chuyển kỳ sau là số tiền đang trong quá trình tiến hành các biện pháp nghiệp vụ để tổ chức thu, chi, nộp ngân sách của Nhà nước theo nội dung quyết định thi hành án, bao gồm: tiền đang thi hành; tiền hoãn thi hành án (bao gồm cả hoãn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 48 Luật Thi hành án dân sự); tiền tạm đình chỉ thi hành án; tiền trường hợp khác; tiền chưa có điều kiện thi hành án tại thời điểm khóa sổ lập báo cáo thống kê, trừ số tiền đã chuyển sổ theo dõi riêng.

- Tiền chưa có điều kiện thi hành đã chuyển sổ theo dõi riêng là tiền chưa có điều kiện thi hành đã chuyển sổ theo dõi riêng theo quy định tại khoản 5 Điều 9 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 được sửa đổi bằng Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 của Chính phủ tại thời điểm khóa sổ lập báo cáo thống kê.

- Tỷ lệ % thi hành xong trong số có điều kiện là tỷ lệ giữa số tiền đã tổ chức thi hành xong so với số có điều kiện thi hành án.

- Kinh doanh, thương mại là số tiền phải thi hành trong bản án, quyết định về kinh doanh thương mại, tín dụng (trừ khoản thu cho tổ chức tín dụng trong các bản án, quyết định hình sự về các tội tham nhũng, kinh tế; khoản thu cho tổ chức tín dụng trong các bản án hình sự khác); thi hành các quyết định về dân sự trong vụ việc cạnh tranh, trọng tài thương mại.

- Phá sản là số tiền phải thi hành trong quyết định về phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của pháp luật thuộc trách nhiệm thi hành của cơ quan thi hành án dân sự.

- Hôn nhân và gia đình là số tiền phải thi hành trong bản án, quyết định về hôn nhân và gia đình.

- Lao động là số tiền phải thi hành trong bản án, quyết định về lao động.

- Dân sự là số tiền phải thi hành trong bản án, quyết định dân sự và các quyết định về dân sự trong bản án, quyết định hành chính (trừ quyết định về dân sự trong bản án, quyết định về kinh doanh, thương mại, phá sản, hôn nhân và gia đình, lao động và việc thi hành án liên quan đến khoản thu cho tổ chức tín dụng trong bản án hình sự, hình sự về tham nhũng, kinh tế).

- Dân sự trong hình sự về tham nhũng, kinh tế là số tiền phải thi hành trong bản án, quyết định hình sự về tội phạm chức vụ và các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, bao gồm: số do Ban chỉ đạo Trung ương và Ban chỉ đạo các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về phòng, chống tham nhũng tiêu cực theo dõi, chỉ đạo và số việc không thuộc diện Ban chỉ đạo Trung ương và Ban chỉ đạo các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về phòng, chống tham nhũng tiêu cực theo dõi, chỉ đạo (bao gồm cả các khoản thu cho tổ chức tín dụng trong các bản án, quyết định này).

- Dân sự trong hình sự là số tiền phải thi hành trong bản án hình sự (bao gồm cả việc thi hành bản án hình sự liên quan đến khoản thu cho tổ chức tín dụng), trừ số việc thi hành bản án, quyết định hình sự về các tội tham nhũng, kinh tế.

- Tiền ủy thác xử lý tài sản là số tiền trong quyết định ủy thác xử lý tài sản (Lưu ý: Chỉ ghi số tiền sau khi đơn vị nhận ủy thác đã xử lý xong tài sản và chuyển lại cho đơn vị đã ra quyết định ủy thác xử lý tài sản để xử lý theo quy định của pháp luật. Trước khi xử lý xong tài sản quy đổi số lượng tài sản phải xử lý thành tiền 1.000 đồng/01 tài sản để ghi số liệu).

3. Đơn vị tính

Đơn vị tính trong biểu mẫu được tính bằng “1.000 VNĐ” và “%”.

Trường hợp một việc thi hành án có một hoặc nhiều tài sản phải tiêu hủy, tài sản không có giá trị hoặc tài sản, nghĩa vụ thi hành án không tính được bằng tiền thì khi thống kê được tính là 1.000 VNĐ.

4. Nguồn số liệu

Số liệu trong biểu mẫu được lấy từ hồ sơ thi hành án dân sự và các loại sổ chuyên môn nghiệp vụ có liên quan.

5. Phương pháp tính toán trong biểu mẫu và cách ghi biểu

5.1. Cách ghi phần chung

Các phần để trống trong biểu mẫu phải được ghi chép đầy đủ, cụ thể:

a) Đối với biểu của Chấp hành viên phải ghi đầy đủ họ, tên Chấp hành viên và tên cơ quan thi hành án dân sự nơi Chấp hành viên công tác.

b) Biểu mẫu phải có đầy đủ chữ ký của người lập biểu và ký xác nhận của Thủ trưởng đơn vị, cụ thể: đối với biểu mẫu do Chấp hành viên lập, phần người lập biểu ghi tên Chấp hành viên, Thủ trưởng đơn vị ký xác nhận. Đối với biểu mẫu của Chi cục và của Cục, phần người lập biểu do công chức được giao làm công tác thống kê ký, Thủ trưởng đơn vị ký xác nhận.

5.2. Cách ghi phần chữ số

Đối với các chỉ tiêu không phát sinh ghi số không “0”. Tuyệt đối không sử dụng các ký tự để đánh dấu.

Đối với các số liệu được lấy từ các biểu thống kê của Chấp hành viên phải được tổng hợp theo thứ tự: Chấp hành viên xác định nguồn số liệu, xây dựng báo cáo.

Chi cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự tổng hợp số liệu từ các Chấp hành viên thuộc đơn vị.

Cục Thi hành án dân sự tổng hợp số liệu thống kê của toàn tỉnh từ số liệu thống kê của Cục và các Chi cục trực thuộc.

Tổng cục Thi hành án dân sự tổng hợp số liệu thống kê từ báo cáo của Cục Thi hành án dân sự tỉnh. Riêng kỳ báo cáo Quốc hội, tổng hợp cả số liệu của cơ quan thi hành án dân sự trong quân đội.

5.2.1. Trang 1

a) Cột:

- Cột 1 = Cột (2 + 3)

- Cột 6 = Cột (7 + 12 + 13 + 14 + 15 + 16 + 17) = Cột (1 – 4 – 5)

- Cột 7 = Cột (8 + 12 + 13)

- Cột 8 = Cột (9 + 10 + 11)

- Cột 18 = Cột (12 + 13 + 14 + 15 + 16 + 17)

- Cột 19 = Cột (8 /7) x 100

b) Dòng:

- Dòng A (tổng số) = Dòng (I + II)

- Dòng I = Dòng (1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 6 + 7 + 8 + 9 + 10)

- Dòng II = Dòng (1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 6 + 7 + 8 + 9 + 10)

- Dòng B (Ủy thác xử lý tài sản)

+ Đối với đơn vị ra quyết định ủy thác xử lý tài sản: sau khi ra quyết định ủy thác xử lý tài sản, thống kê vào Cột 4; khi nhận được tiền từ việc xử lý tài sản đã ủy thác ghi vào Cột 9.

+ Đối với đơn vị nhận ủy thác xử lý tài sản: khi nhận được quyết định ủy thác xử lý tài sản, thống kê vào Cột 3; sau khi xử lý xong, chuyển tiền cho đơn vị ủy thác, thống kê vào Cột 9.

5.2.2. Phân tích một số chỉ tiêu tiền thi hành án dân sự (Trang 2)

- Dòng 1, Cột 1 = Dòng (1.1 + 1.2 + 1.4 + 1.5 + 1.6 + 1.7 + 1.8)

- Dòng 1, Cột 2 = Dòng (1.1 + 1.2 + 1.3 + 1.4 + 1.5 + 1.7 + 1.8)

- Dòng 2, Cột 1 = Dòng (2.1 + 2.2 + 2.4 + 2.5 + 2.6 + 2.7 + 2.9)

Trong đó: Dòng 2.9, Cột 1 = (2.9.1 + 2.9.2)

- Dòng 2, Cột 2 = Dòng (2.1 + 2.2 + 2.3 + 2.4 + 2.5 + 2.6 + 2.7 + 2.8 + 2.9)

Trong đó: Dòng 2.9, Cột 2 = (2.9.1 + 2.9.2)

- Dòng 3, Cột 1 = Dòng (3.1 + 3.2), trong đó: Dòng 3.1, Cột 1 = (3.1.1 + 3.1.2)

- Dòng 3, Cột 2 = Dòng (3.1 + 3.2), trong đó: Dòng 3.1, Cột 2 = (3.1.1 + 3.1.2)

- Dòng 4, Cột 1 = Dòng (4.1 + 4.2 + 4.3 + 4.4)

- Dòng 4, Cột 2 = Dòng (4.1 + 4.2 + 4.3 + 4.4).

- Dòng 5, cột 1 = Dòng (5.1 + 5.2 + 5.3)

- Dòng 5, cột 2 = Dòng (5.1 + 5.2 + 5.3)

- Dòng 6, cột 1 = Dòng (6.1 + 6.2 + 6.3)

- Dòng 6, cột 2 = Dòng (6.1 + 6.2 + 6.3)

5.3. Công thức tính

$$\text{Tỷ lệ thi hành xong về tiền (\%)} = \frac{\text{Số tiền thi hành xong} + \text{Số tiền đình chỉ thi hành án} + \text{Số giảm một phần nghĩa vụ thi hành án}}{\text{Số tiền có điều kiện thi hành}} \times 100\%$$

(Trong đó: Số tiền có điều kiện thi hành = Tổng số tiền phải thi hành án - Số tiền chưa có điều kiện thi hành - Số tiền hoãn thi hành án - Số tiền tạm đình chỉ thi hành án - Số tiền trường hợp khác).